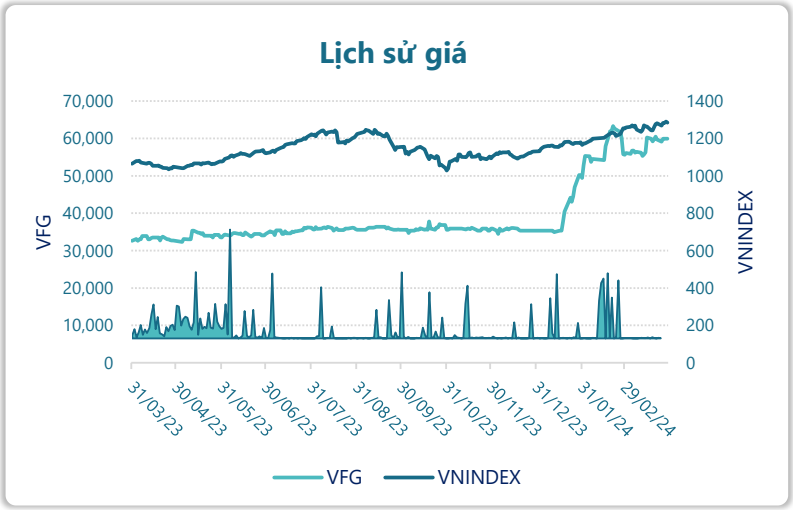
FireAnt

CTCP Khử trùng Việt Nam (HSX: VFG)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**59,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	63,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,313
SL cổ phiếu LH	41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)	43,175
% sở hữu nước ngoài	2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,499
P/E	7.8
EPS	7,637

DT thuần

Q1/24

966

tỷ VNĐ

QoQ: ▼193| -16.7%

YoY: ▲ 275| 39.8%

LN sau thuế

Q1/24

78.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼38.3| -32.7%

YoY: ▲ 23.0| 41.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

12.0%

+/- YoY: ▲ 2.0%

DT thuần

2023

3,262

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 285| 9.6%

LN sau thuế

2023

296

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 67.0| 29.0%

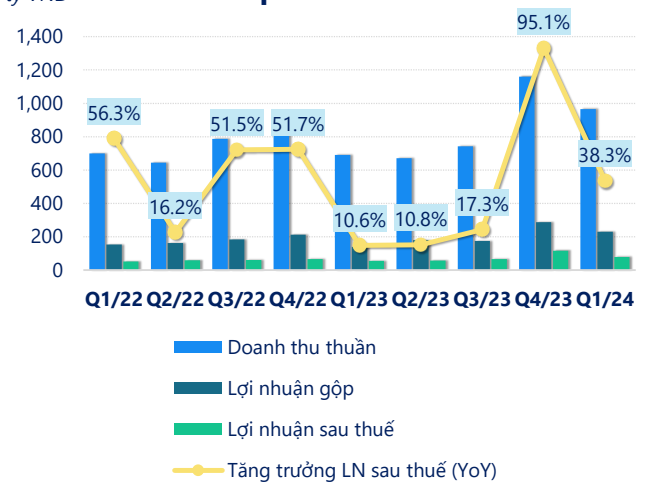
ROE

2023

24.8%

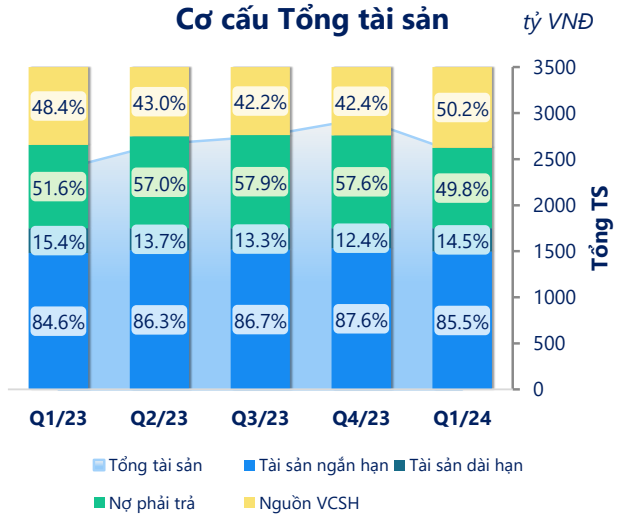
+/- YoY: ▲ 3.4%

Kết quả kinh doanh



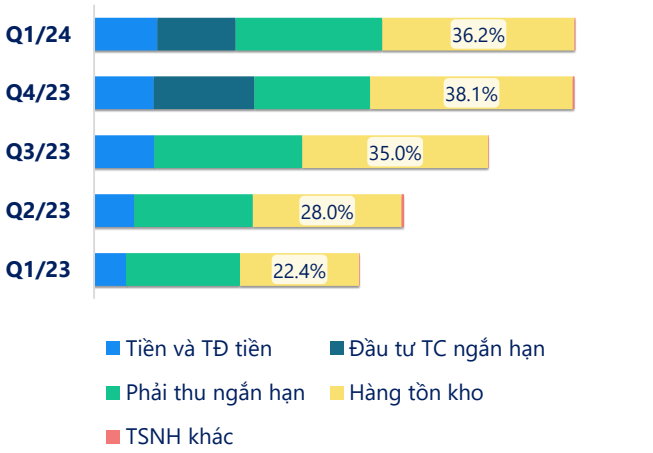
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



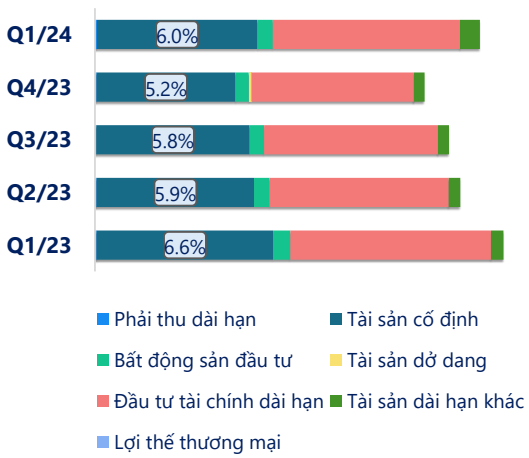
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



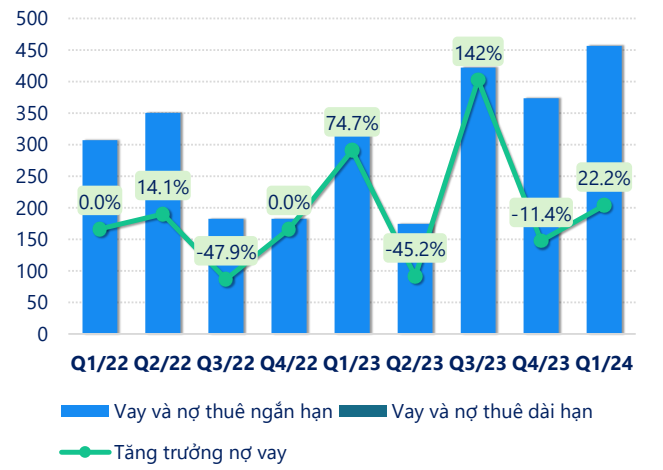
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



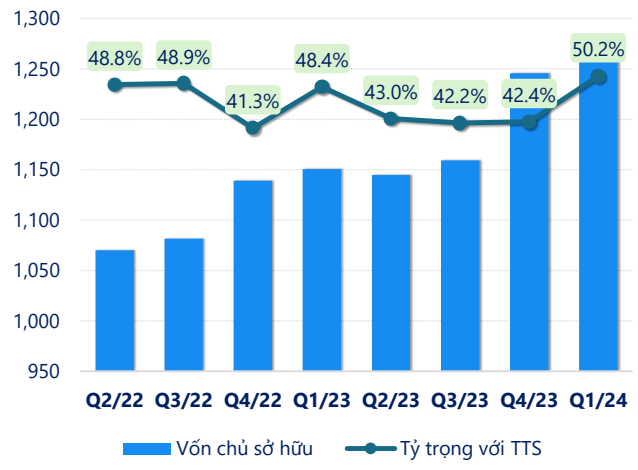
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



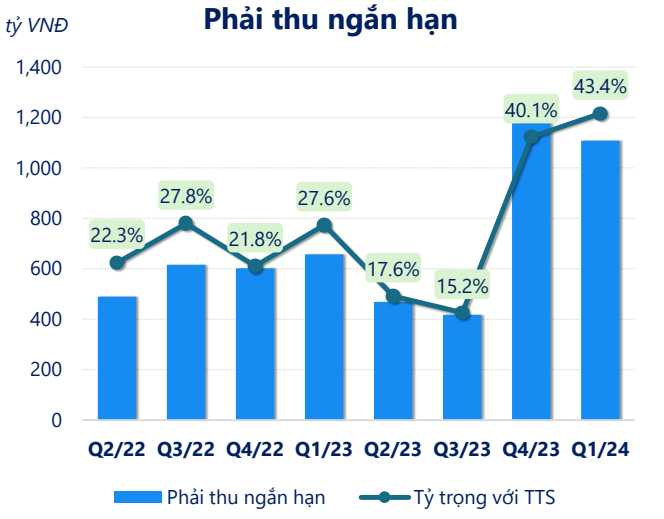
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



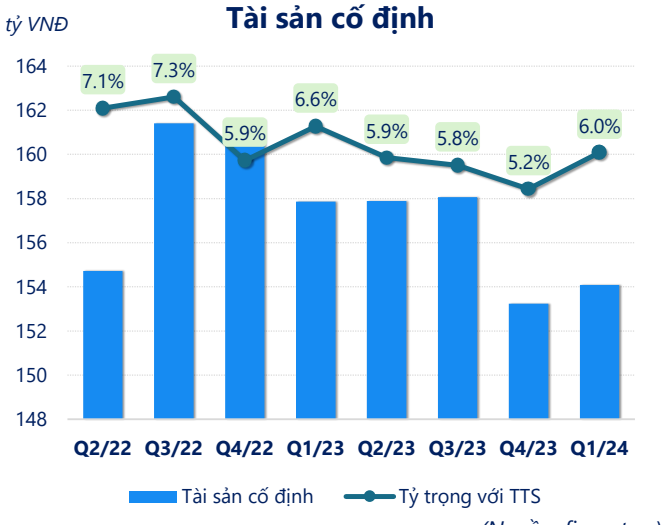
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



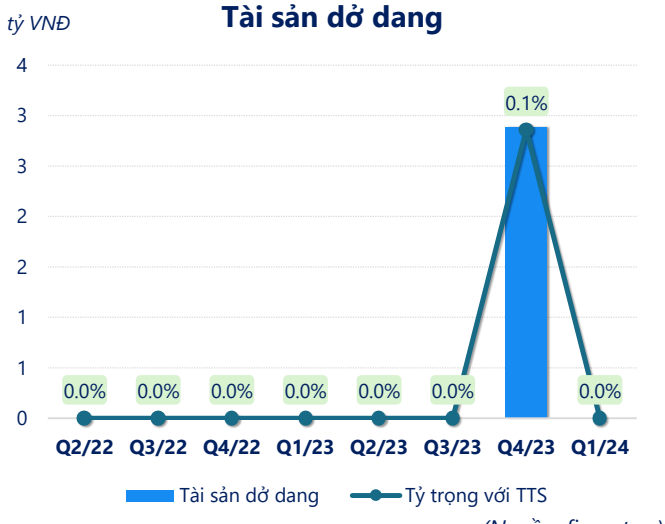
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



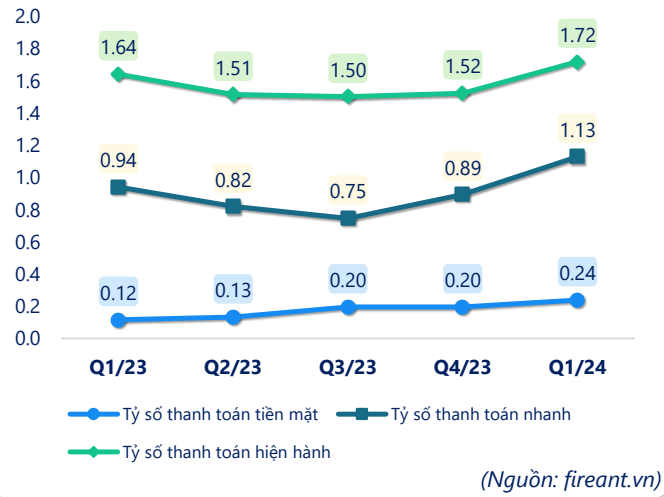
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



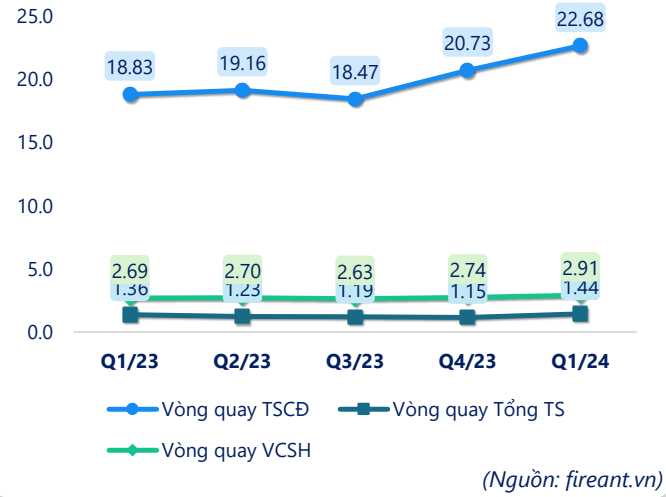
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**2,379**	**2,664**	**2,746**	**2,937**	**2,550**
Tài sản ngắn hạn	**2,014**	**2,298**	**2,381**	**2,573**	**2,181**
Tiền và tương đương tiền	143	200	309	330	303
Đầu tư tài chính ngắn hạn	350	570	450	0.29	0.29
Phải thu ngắn hạn	657	468	418	1,178	1,107
Hàng tồn kho	860	1,054	1,198	1,063	749
Tài sản ngắn hạn khác	3.43	5.21	4.55	2.32	21.1
Tài sản dài hạn	**365**	**366**	**366**	**364**	**369**
Phải thu dài hạn	1.62	1.64	1.52	1.85	1.77
Tài sản cố định	158	158	158	153	154
Bất động sản đầu tư	15.4	15.2	15.1	14.9	14.7
Tài sản dở dang	0	0	0	2.88	0
Đầu tư tài chính dài hạn	180	180	180	180	180
Tài sản dài hạn khác	11.0	11.6	11.5	11.9	19.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,229**	**1,519**	**1,591**	**1,691**	**1,270**
Nợ ngắn hạn	**1,227**	**1,517**	**1,585**	**1,689**	**1,268**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	319	175	422	374	457
Phải trả người bán ngắn hạn	152	584	438	512	97.0
Nợ dài hạn	2.09	2.09	2.09	1.99	1.99
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,151**	**1,145**	**1,159**	**1,246**	**1,280**
Vốn chủ sở hữu	**1,151**	**1,145**	**1,159**	**1,246**	**1,280**
Vốn điều lệ	417	417	417	417	417
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)